

Số: /BC-SGD&ĐT

Lào Cai, ngày tháng 4 năm 2023

BÁO CÁO

Sơ kết giữa kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020-2025

Thực hiện Kế hoạch số 179/KH/TU ngày 23/02/2023 của Tỉnh ủy về Kế hoạch sơ kết thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020-2025; Công văn số 852/UBND-TH ngày 06/3/2023 của UBND tỉnh về chuẩn bị nội dung sơ kết thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020-2025, Sở Giáo dục và Đào tạo như sau:

I. TÌNH HÌNH

1. Thuận lợi

Việc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020-2025, gắn với thực hiện Đề án 06 đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ: Trung ương ban hành Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”; Tỉnh ủy Lào Cai ban hành Chương trình hành động số 153-CT/TU ngày 06/01/2014 thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW; mục tiêu chung về đổi mới giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, Khoa học và Công nghệ đã được đưa vào Văn kiện và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI.

Sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, tỉnh đối với giáo dục và đào tạo; sự phối hợp chặt chẽ các sở, ngành, địa phương; sự thống nhất trong cả hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở.

Để tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết, Tỉnh đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo và được cụ thể hóa thành kế hoạch từng năm và cả giai đoạn để tổ chức triển khai thực hiện.

Nhân dân, các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân, cha mẹ học sinh đồng tình, ủng hộ cao. Sự thống nhất, đồng thuận, quyết tâm cao của toàn ngành giáo dục trong triển khai, thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết.

2. Khó khăn, vướng mắc

Nhu cầu kinh phí thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo lớn, Trung ương không có cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ cho các tỉnh miền núi, vùng cao.

Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, nhất là ở vùng cao còn nhiều khó khăn (thiếu phòng học, phòng học bộ môn, thiết bị ngoại ngữ, tin học...)

Năm 2021 và đầu năm 2022 tình hình dịch bệnh Covid -19 tiếp tục có diễn biến phức tạp, các hoạt động giáo dục trực tiếp phải chuyển sang trực

tuyến. Nên đã phân nào ảnh hưởng đến việc nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

II. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

Thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 16/10/2020 Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020-2025; Chương trình hành động số 12-CTr/TU ngày 26/11/2020 của Tỉnh ủy Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVI thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020-2025; các Chương trình, Đề án, Kế hoạch của Tỉnh ủy, UBND tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020-2025, Sở Giáo dục và Đào tạo đã chủ động phối hợp với các sở, ngành tham mưu cho tỉnh ban hành các Nghị quyết, Chương trình, Đề án, Kế hoạch, cơ chế, chính sách phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo. Đồng thời ban hành các kế hoạch, hướng dẫn để chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện trong toàn ngành¹.

¹ Tỉnh ủy ban hành: Đề án số 06-ĐA/TU ngày 11/12/2020 về "đổi mới, phát triển, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện - nguồn nhân lực - Khoa học và Công nghệ tỉnh Lào Cai giai đoạn 2020-2025" (gồm 05 Đề án thành phần, ban hành theo Quyết định số 1182/QĐ-UBND ngày 13/04/2021 của UBND tỉnh); Chỉ thị số 31-CT/TU ngày 18/10/2022 về Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng đối với công tác phổ cập giáo dục mầm non giai đoạn 2022-2025; Nghị quyết số 26-NQ/TU ngày 07/02/2022 về Chiến lược phát triển nguồn nhân lực tỉnh Lào Cai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

HĐND tỉnh ban hành: Nghị quyết số 29/2020/NQ-HĐND ngày 04/12/2020 Quy định các chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 27/2020/NQ-HĐND ngày 04/12/2020 Quy định mức thu tối đa các khoản thu dịch vụ để phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 16/7/2020 Quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập chương trình giáo dục đại trà năm học 2021-2022 trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 Tiếp tục thực hiện hỗ trợ cho học sinh các xã khu vực II, khu vực III hoàn thành nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Nghị quyết số 07/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 Quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập năm học 2021-2022 trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 Quy định về nội dung, mức chi để chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi đối với giáo dục phổ thông; hỗ trợ cho học sinh nội trú, bán trú, học sinh có hoàn cảnh khó khăn trong thời gian ôn tập, thi tốt nghiệp trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 Tiếp tục hỗ trợ cho học sinh các xã khu vực II, khu vực III hoàn thành nông thôn mới năm học 2022-2023 trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 Hỗ trợ kinh phí cho học sinh nội trú, bán trú và học sinh có hoàn cảnh khó khăn trong kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022; Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 Quy định khoản thu, mức thu và cơ chế quản lý thu, chi các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 07/12/2022 Bổ sung chương III vào Quy định các chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 29/2020/NQ-HĐND ngày 04/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai; Nghị quyết số 23/2022/NQ-HĐND ngày 07/12/2022 Hỗ trợ học phí cho trẻ em tại cơ sở giáo dục mầm non công lập trên địa bàn tỉnh Lào Cai thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 10/3/2023 Hỗ trợ học phí năm học 2022-2023 cho trẻ mầm non, học sinh phổ thông công lập, học viên giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

UBND tỉnh ban hành: Kế hoạch số 100/KH-UBND ngày 09/3/2021 Kế hoạch thực hiện Đề án số 06-ĐA/TU ngày 11/12/2020 của Tỉnh ủy Lào Cai về đổi mới, phát triển, nâng cao chất lượng Giáo dục toàn diện - Nguồn nhân lực - Khoa học công nghệ tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch số 287/KH-UBND ngày 02/7/2021 Kế hoạch thực hiện Đề án số 06-ĐA/TU ngày 11/12/2020 của Tỉnh ủy Lào Cai năm 2021 - Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo; Kế hoạch số 28/KH-UBND ngày 25/01/2022 Kế hoạch thực hiện Đề án số 06-ĐA/TU ngày 11/12/2020 của Tỉnh ủy Lào Cai năm 2022 - Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo; Kế hoạch số 138/KH-UBND ngày 04/4/2022 Duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi và thí điểm thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 4 tuổi tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch số 273/KH-UBND ngày 08/8/2022 Đào tạo giáo viên tỉnh Lào Cai giai đoạn 2022-2026 theo Nghị định 116/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ; Kế hoạch số 305/KH-UBND ngày 12/9/2022 Đầu tư mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu mầm

2. Công tác học tập, tuyên truyền, phổ biến, quán triệt Nghị quyết

Công tác tuyên truyền, quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết được thực hiện dưới nhiều hình thức phong phú, sáng tạo: Xuất bản Bản tin Giáo dục; viết tin bài đăng trên cổng thông tin của tỉnh, của ngành; tuyên trên các phương tiện thông tin đại chúng, các hoạt động văn hóa văn nghệ, tuyên truyền trực quan; tổ chức hội nghị chuyên đề; mở chuyên mục phát sóng hằng tháng trên Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh; phối hợp, cung cấp thông tin cho các cơ quan thông tấn, báo chí Trung ương và địa phương...

Việc tổ chức nghiên cứu, quán triệt, triển khai thực hiện Đề án được thực hiện kịp thời, nghiêm túc, đã tạo chuyển biến rõ rệt về nhận thức của cán bộ, đảng viên, và nhân dân về thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ; tạo được sự đồng thuận, thống nhất của hệ thống chính trị, của cán bộ, đảng viên và nhân dân; từ đó tạo động lực mạnh mẽ tổ chức thực hiện đổi mới giáo dục, nâng cao dân trí, xóa đói, giảm nghèo, phát triển kinh tế - xã hội.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Kết quả thực hiện các mục tiêu của Nghị quyết

Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng PCGD và XMC ở 100% xã, phường, thị trấn (trong đó có: 30/152 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn PCGDMN 4 tuổi; 152/152 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn PCGDMN 5 tuổi; 152/152 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn PCGDTH mức độ 3; 68/152 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn PCGDTHCS mức độ 3; 151/152 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn XMC mức độ 2).

Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi ra lớp đạt từ 99,8%; trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 99,9%; trẻ từ 6-14 tuổi đạt 99,8%; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS học lên THPT, GDTX và học nghề đạt 84%; tỷ lệ thanh niên trong độ tuổi đạt trình độ giáo dục phổ thông và tương đương đạt 80%; trường học đạt chuẩn quốc gia đạt 66,1%; hoàn thiện, trình UBND tỉnh phê duyệt Đề án xây dựng trường trọng điểm chất lượng giáo dục (17 trường); thành lập và cấp phép hoạt động cho 01 cơ sở giáo dục quốc tế (trường TH, THCS&THPT Quốc tế Canada - Lào Cai).

Có 29,5% trẻ em mầm non; 60% học sinh tiểu học (trong đó: Lớp 3,4,5 đạt 97,7%, riêng lớp 3 đạt 100%), 96% học sinh THCS, 100% học sinh THPT được học tin học; 100% các giáo viên tiếng Anh được tập huấn chương trình tiếng Anh mới, được tham gia nhiều Hội thảo cấp tỉnh, cấp quốc gia, quốc tế

non, phổ thông thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và phổ cập giáo dục mầm non 4 tuổi trên địa bàn tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2022-2027; Kế hoạch số 328/KH-UBND ngày 29/9/2022 Duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi và thí điểm thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 4 tuổi tỉnh Lào Cai, năm 2022; Kế hoạch số 336/KH-UBND ngày 29/9/2022 Tiếp tục rà soát, sắp xếp trường, lớp đối với giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2022-2030; Kế hoạch số 354/KH-UBND ngày 24/10/2022 Chuyển đổi số trong ngành Giáo dục và Đào tạo Lào Cai giai đoạn 2022-2025, định hướng đến 2030; Kế hoạch số 20/KH-UBND ngày 26/01/2023 Kế hoạch thực hiện Đề án số 06-ĐA/TU ngày 11/12/2020 của Tỉnh ủy Lào Cai năm 2023 - Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo; Kế hoạch số 160/KH-UBND ngày 21/3/2023 Duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi và thí điểm thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 4 tuổi tỉnh Lào Cai, năm 2023; Kế hoạch số 180/KH-UBND ngày 30/3/2023 Sửa đổi, bổ sung Kế hoạch số 336/KH-UBND ngày 06/10/2022 của UBND tỉnh Lào Cai về tiếp tục rà soát, sắp xếp trường, lớp đối với giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2022-2030.

dưới nhiều hình thức (trực tiếp/trực tuyến), 76,2% học sinh Tiểu học (trong đó học sinh lớp 3,4,5 đạt 99,7%, riêng học sinh lớp 3 đạt 100%), 100% học sinh THCS và THPT được học ngoại ngữ; triển khai giáo dục STEM tại 100% trường phổ thông; tích cực chỉ đạo xây dựng mô hình giáo dục STEM tại 20 trường phổ thông (trong đó, có 09 trường PTDN nội trú).

Toàn tỉnh có 57% CBQL, giáo viên, nhân viên là đảng viên; 80,72% CBQL, giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo và trên chuẩn theo Luật Giáo dục năm 2019; 89,5% CBQL đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm; 100% CBQL, giáo viên được đánh giá “Đạt” theo chuẩn Hiệu trưởng, chuẩn nghề nghiệp giáo viên; 98% CBQL, giáo viên hoàn thành tốt các nhiệm vụ bồi dưỡng thường xuyên, số giáo viên có chuyên môn giỏi tiếp tục tăng lên. Nâng chuẩn trình độ đào tạo giáo viên các cấp học theo Luật Giáo dục 2019: Đạt 85% (mục tiêu đến năm 2025 là 95%).

Tỷ lệ phòng học kiên cố đạt 76,1% (tăng 1,2% so với năm 2020); tỷ lệ phòng học/lớp học: Đạt gần 01 phòng/01 lớp học, cơ bản đảm bảo học 02 buổi/ngày; đảm bảo thiết bị dạy học tối thiểu, cơ bản các trường đã có nước sạch, điện lưới quốc gia và máy tính kết nối Internet. Cơ bản đủ chỗ ở, giường nằm học sinh bán trú; chỗ ở giáo viên, nhân viên. Môi trường giáo dục, cảnh quan trường, lớp xanh, sạch, đẹp

(Có phụ biểu chi tiết đính kèm)

2. Kết quả triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm của Nghị quyết

2.1. Hoàn thiện mạng lưới trường, lớp; phát triển quy mô giáo dục hợp lý

Tiếp tục chỉ đạo thực hiện quy hoạch mạng lưới trường, lớp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, đã tham mưu cho UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 366/KH-UBND ngày 06/10/2022, Kế hoạch số 180/KH-UBND ngày 29/3/2023 về tiếp tục rà soát, sắp xếp trường, lớp đối với giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2022-2030, trong đó tập trung: giảm, xóa, gộp điểm trường, giảm lớp, giảm học sinh ở điểm trường lẻ, tăng số học sinh ở trường chính, tăng số học sinh/lớp để tập trung đầu tư; gắn sắp xếp trường, lớp với thực hiện tinh, giản biên chế, đáp ứng tốt nhu cầu học tập của nhân dân, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện².

Về phát triển quy mô: Năm học 2022-2023, toàn tỉnh có 612 cơ sở giáo dục MN, PT, GDTX, 8.197 lớp với 229.495 học sinh (so với năm học 2021-2022 tăng 3.817 học sinh), chia ra: Mầm non 197 trường, 2.350 nhóm/lớp, 57.397 trẻ; Tiểu học 182 trường, 3.423 lớp, 86.094 học sinh (giảm 77 lớp, tăng 750 học sinh); THCS 187 trường, 1.745 lớp, 59.287 học sinh (tăng 29 lớp, 1.164 học sinh); THPT 36 trường, 572 lớp, 22.660 học sinh (tăng 19 lớp, 1.113 học sinh); Trung tâm GDNN&GDTX 10 trung tâm, 99 lớp, 4.065 học viên (tăng 5 lớp, 808 học viên).

² Tính từ đầu nhiệm kỳ đến nay đã sáp nhập được 06 trường thành 03 trường; sáp nhập (gộp) 19 điểm trường mầm non và tiểu học; xóa 72 điểm trường; đưa 2.233 học sinh lớp 3, 4, 5 ở điểm trường về trường chính.

2.2. Phát triển, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo

Chỉ đạo tổ chức rà soát, bố trí, sắp xếp, sử dụng hợp lý đội ngũ CBQL, giáo viên trên cơ sở thực trạng mạng lưới trường lớp và từng bước khắc phục tình trạng thiếu giáo viên (đặc biệt là các môn tiếng Anh, Tin học, Âm nhạc, Mỹ thuật). Cơ cấu đội ngũ đã được Sở GD&ĐT và UBND các huyện, thị xã, thành phố rà soát, sắp xếp lại, đảm bảo không thiếu cục bộ, ưu tiên biên chế để tuyển dụng các môn còn thiếu theo; chú trọng công tác bồi dưỡng thường xuyên, chỉ tiêu riêng năm học 2022-2023 đã bồi dưỡng cho trên 13.800 lượt CBQL, giáo viên, nhân viên về kiến thức chính trị - xã hội, chuyên môn - nghiệp vụ.

Hiện toàn tỉnh có 57% CBQL, giáo viên, nhân viên là đảng viên; 80,72% CBQL, giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo và trên chuẩn; 89,5% CBQL đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm; 100% CBQL, giáo viên được đánh giá “Đạt” theo chuẩn Hiệu trưởng, chuẩn nghề nghiệp giáo viên; 98% CBQL, giáo viên hoàn thành tốt các nhiệm vụ bồi dưỡng thường xuyên, số giáo viên có chuyên môn giỏi tiếp tục tăng lên. Nâng chuẩn trình độ đào tạo giáo viên các cấp học theo Luật Giáo dục 2019: Đạt 85% (mục tiêu đến năm 2025 là 95%)³.

2.3. Đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục; nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; kiểm định giáo dục; thực hiện chương trình GDPT mới

Chất lượng giáo dục toàn diện và hiệu quả giáo dục tiếp tục có nhiều chuyển biến rõ và toàn diện, vững chắc ở tất cả các cấp học, nhất là vùng cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; có nhiều mô hình và giải pháp đặc thù nâng cao chất lượng giáo dục. Tỷ lệ duy trì học sinh đi học các cấp học (Mầm non 5 tuổi 99,8 %, Tiểu học 99,9%, THCS 98,4%%), tỷ lệ học sinh đi học chuyên cần (Mầm non 5 tuổi 95,6 %, Tiểu học 98,5%, THCS 98,2%%, THPT 98,3%).

Chú trọng giáo dục toàn diện, rèn kỹ năng sống, lý tưởng, hoài bão cho học sinh, gắn giáo dục hội nhập với việc giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc; bồi dưỡng, phát hiện học sinh giỏi, học sinh năng khiếu và nghiên cứu khoa học, kết quả:

- Thi tốt nghiệp THPT hằng năm đạt kết quả cao và ổn định, năm 2022 tỷ lệ đỗ tốt nghiệp đạt 99,57% (tăng 0,31%), điểm trung bình thi toàn tỉnh đạt 6,547 điểm, tăng 0,092 điểm so với năm 2021, xếp thứ 17/63 tỉnh, thành phố (tăng 07 bậc so với năm 2021).

- Thi học sinh giỏi THPT cấp tỉnh năm 2023 có 758 học sinh đạt giải (30 giải của HS khối GDTX), trong đó: 35 Giải Nhất (01 giải nhất của HS khối GDTX), 176 Giải Nhì (06 giải nhì của HS khối GDTX); 236 Giải Ba (10 giải của HS khối GDTX); 311 Giải Khuyến khích (13 giải của HS khối GDTX).

3. Mầm non đạt 93,3% (trên chuẩn: 48,12%), đang đào tạo 4,82%); Tiểu học đạt 60,12% (trên chuẩn: 0,91 %), đang đào tạo 21,48%. THCS đạt 90,53% (trên chuẩn 2,12%), đang đào tạo 21,48%. THPT đạt 100% (Trên chuẩn 21,5%), đang đào tạo 21,48%. Dự kiến đến hết năm 2024 sẽ hoàn thành việc nâng chuẩn trình độ giáo viên theo Luật Giáo dục 2019 (Mục tiêu tại Nghị định 71/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định lộ trình thực hiện nâng chuẩn trình độ giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở- hoàn thành năm 2030). Tiêu chuẩn chức danh CBQL: Trình độ LLCT: 86% (Mục tiêu đến năm 2025 là 100%); Chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng II: 49,9% (Mục tiêu đến năm 2025 là 52%).

- Thi học sinh giỏi quốc gia: Năm 2023, Lào Cai có 44 học sinh đạt giải (chiếm 64,7% tổng số học sinh tham dự), trong đó có 02 giải Nhất, 07 giải Nhì, 17 giải Ba và 18 giải Khuyến khích, tăng 02 giải nhất so với năm 2022; duy trì ở vị trí top đầu trong 15 tỉnh trung du miền núi phía Bắc; xếp thứ nhất trong Cụm thi đua (theo thứ tự các tỉnh có tổng số giải).

- Tại cuộc thi nghiên cứu khoa học quốc tế dành cho thanh niên năm 2023 tổ chức tại Bali, Indonesia (tham dự thi bằng Tiếng Anh), Việt Nam có 06 đội tham gia, trong đó tỉnh Lào Cai có 04 đội. Kết quả: Lào Cai đạt 05 giải (02 giải vàng của học sinh trường THPT số 3 Lào Cai và THCS Lê Quy Đôn; 01 giải bạc và 01 giải đồng của học sinh trường THCS Lý Tự Trọng; 01 dự án đạt giải bán kết của học sinh trường THPT số 3 Lào Cai); tại cuộc thi sáng tạo khoa học về doanh nghiệp và môi trường khu vực Đông Nam Á (AISEFF) năm 2023, Dự án của học sinh trường THPT số 1 TP Lào Cai đạt huy chương đồng.

Chủ động, tích cực triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mới: Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch số 233/KH-UBND của UBND tỉnh; kế hoạch đảm bảo cơ sở vật chất thiết bị dạy học; kế hoạch bồi dưỡng; đảm bảo đội ngũ; thực hiện biên soạn chương trình giáo dục địa phương; thực hiện lựa chọn bộ sách giáo khoa các khối lớp phù hợp với giáo dục Lào Cai; tổ chức cho toàn bộ cán bộ quản lý, giáo viên nghiên cứu Chương trình giáo dục phổ thông mới để nắm chắc bản chất và những điểm mới của Chương trình; tập huấn cho CBQL, giáo viên; tổ chức biên soạn thẩm định và trình phê duyệt tài liệu giáo dục địa phương theo đúng quy định; trình UBND tỉnh giao kinh phí mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu theo Thông tư của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.4. Phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục ở vùng dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn

Tích cực triển khai thực hiện Đề án phát triển hệ thống các trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú giai đoạn 2020-2025.

Thực hiện chuẩn hóa giáo dục vùng cao; nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ; tăng cường dạy tiếng Việt cho trẻ em 5 tuổi người dân tộc thiểu số; chuẩn bị các điều kiện cho trẻ em trước khi vào lớp 1; xây dựng và nhân rộng mô hình đặc thù trong trường nội trú, bán trú gắn với hướng nghiệp và dạy nghề.

Chỉ đạo nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện các trường PTDT nội trú, PTDT bán trú; đổi mới phương pháp dạy học phù hợp với học sinh dân tộc thiểu số; đảm bảo chất lượng dạy tiếng Việt và tiếng dân tộc. Chú trọng giáo dục đoàn kết các dân tộc, văn hóa các dân tộc cho học sinh; thực hiện các hoạt động giáo dục đặc thù.

Đến nay, toàn tỉnh có toàn tỉnh có 9 trường PTDT nội trú (trong đó có 01 trường PTDTNT tỉnh, 08 trường PTDTNT huyện, thị xã được nâng cấp thành trường PTDTNT THCS&THPT), 134 trường PTDT bán trú (TH: 56; THCS: 78) với tổng số 1.684 lớp, 43.474 học sinh (trong đó trường PTDTNT 127 lớp, 4.417 học sinh; trường PTDTBT 1.557 lớp, 39.057 học sinh); có 131 trường phổ thông có học sinh bán trú, với tổng số 21.055 học sinh bán trú; có 5/9 trường PTDT Nội trú đạt chuẩn quốc gia, chiếm 55,5%; 70/134 trường PTDTBT đạt chuẩn quốc gia, đạt 52,2%.

2.5. Duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh; xây dựng xã hội học tập

Đã tham mưu cho UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 138/KH-UBND ngày 04/4/2022 về duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, thí điểm thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 4 tuổi giai đoạn 2021-2025; Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND huyện, thị xã, thành phố đã xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện.

Kết quả: Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục và xóa mù chữ ở 100% xã, phường, thị trấn (trong đó có: 30/152 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn PCGDMN 4 tuổi; 152/152 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn PCGDMN 5 tuổi; 152/152 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn PCGDTH mức độ 3; 68/152 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn PCGDTHCS mức độ 3; 151/152 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn XMC mức độ 2).

Thực hiện Đề án giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2019-2025 (Quyết định số 2567/QĐ-UBND ngày 18/8/2019 của UBND tỉnh), Sở Giáo dục và Đào tạo đã chú trọng, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về trách nhiệm và tầm quan trọng của việc phân luồng học sinh sau THCS và THPT. Đồng thời, giúp cha, mẹ học sinh và học sinh nhận thức rõ, đúng đắn hơn việc học tập và cơ hội học tập, làm việc là yêu cầu trong quá trình đảm bảo cơ cấu hợp lý nguồn nhân lực xã hội. Đến nay, 100% trường THCS và THPT có chương trình giáo dục hướng nghiệp gắn với sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

Kết quả khảo sát phân luồng, hướng nghiệp học sinh sau tốt nghiệp THCS năm học 2021-2022 có chuyển biến⁴. Tuy nhiên, còn một số huyện có tỷ lệ học sinh không học tiếp, tỷ lệ học sinh tham gia lao động trực tiếp còn cao như: Văn Bàn, Bắc Hà, Bảo Thắng, Bát Xát.

2.6. Đổi mới công tác quản lý giáo dục, đào tạo, bảo đảm dân chủ, công khai, thống nhất; tăng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cơ sở giáo dục, người đứng đầu cơ sở giáo dục

Thực hiện tốt quy định, trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục theo Nghị định số 127/2018/NĐ-CP; chỉ đạo đổi mới mạnh mẽ công tác quản lý, coi trọng chất lượng, gắn trách nhiệm quản lý chuyên môn với quản lý nhân sự và quản lý tài chính.

Đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường phân cấp, phân định rõ công tác quản lý nhà nước với quản trị các cơ sở giáo dục, đào tạo, đặc biệt chú trọng công tác quản trị nội bộ, phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cơ sở giáo dục, các địa phương.

5. Phân luồng học sinh sau THCS: Tổng số học sinh tốt nghiệp THCS: 13.244 (tăng 668 HS so với năm 2021); học tiếp lên THPT đạt 8.346/13.244 (63%); học nghề các trình độ đạt 2.783 (21%) (*Trong đó tính cả HS học tại các TT GDTX*): So với mục tiêu đạt 84% (21/25%). HS tốt nghiệp THPT: 6.964. Phân luồng học sinh sau THPT: Tổng số HS tốt nghiệp THPT là 6.956 học sinh, trong đó số đăng ký xét tuyển vào Đại học là 2.765 học sinh (đạt 39,75%); đăng ký học các trường CĐ, TCCN và học nghề là 2.373 học sinh (đạt 34,11%); Thôi học tham gia lao động trực tiếp 2.123 học sinh (chiếm 30,52%).

Tăng cường hội nhập, đẩy mạnh hợp tác quốc tế, chủ động, tích cực áp dụng phương pháp quản lý giáo dục hiện đại. Tăng cường nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ thông tin, khoa học quản lý giáo dục, đào tạo.

Tham mưu xây dựng cơ chế tuyển chọn cán bộ quản lý, giáo viên, giảng viên giỏi, chất lượng cao.

2.7. Đẩy mạnh UDCNTT; nâng cao chất lượng dạy, học ngoại ngữ

Đã tham mưu cho tỉnh ban hành Đề án “Ứng dụng công nghệ thông tin, đẩy mạnh giáo dục thông minh, giáo dục STEM, giai đoạn 2021-2025” (Quyết định số 1182/QĐ-UBND ngày 13/4/2021 của UBND tỉnh); Kế hoạch số 354/KH-UBND ngày 24/10/2022 của UBND tỉnh về chuyển đổi số trong ngành Giáo dục và Đào tạo Lào Cai giai đoạn 2022-2025, định hướng đến 2030; ban hành các kế hoạch và văn bản chỉ đạo hướng dẫn các Phòng GD&ĐT và các cơ sở giáo dục tổ chức triển khai thực hiện.

Triển khai Hệ thống thông tin tổng thể cơ sở dữ liệu quản lý toàn ngành giáo dục đào tạo tỉnh Lào Cai, thực hiện số hóa thông tin 612 trường học; thông tin 225.404 hồ sơ học sinh; thông tin 17.559 CBQL, giáo viên, nhân viên và được kết nối liên thông với CSDL của Bộ GD&ĐT; triển khai Hệ thống phần mềm xây dựng môi trường học tập trực tuyến (e-learning), hệ thống khảo thí, ngân hàng đề thi, thi trực tuyến tại 36 trường THPT; cung cấp hệ thống bài giảng điện tử, quản lý khung kế hoạch dạy học phù hợp với từng đơn vị, xây dựng ngân hàng câu hỏi (*tổng số câu hỏi trắc nghiệm đã được số hóa: 101.366 câu*); quản lý 10.647 giáo án điện tử, tổ chức dạy học trực tuyến và tổ chức 2.127 lượt kỳ thi trực tuyến tại các trường THPT.

100% giáo viên trong ngành đã biết ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học các môn học; giáo viên tích hợp ứng dụng CNTT vào môn học để nâng cao hiệu quả bài giảng; các cơ sở giáo dục triển khai các giải pháp học trực tuyến với nhiều hình thức, dạy học qua internet, sử dụng các phần mềm dạy học trực tuyến: viodu.vn, viettelstudy.vn, VNPT Elearning, Shub classrom, Zoom Cloud Meeting, Microsoft Teams,...

Chỉ đạo và tổ chức các hoạt động giáo dục theo mô hình giáo dục STEM tại 612/612 trường (Cấp THCS: Giáo viên thực hiện được 521 bài học/chủ đề tổ chức dạy học giáo dục STEM; học sinh đã thực hiện được 420 dự án KHKT. Cấp THPT: Giáo viên thực hiện được 475 bài học/chủ đề tổ chức dạy học giáo dục STEM; học sinh đã thực hiện được 144 dự án KHKT); Đầu tư xây dựng và triển khai 02 Mô hình học trải nghiệm sáng tạo STEM Vinaponics (trường THCS Lý Tự Trọng, trường THPT Chuyên); 01 Mô hình học trải nghiệm sáng tạo STEM Robotics Coder (trường THCS Lê Quý Đôn); Phòng học tương tác đa năng (trường THPT Chuyên)...

Tích cực triển khai Đề án dạy và học ngoại ngữ trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên giai đoạn 2021-2025. Chỉ đạo, thực hiện đồng bộ các giải pháp để nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ; đổi mới phương pháp dạy học; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, các phần mềm tự học ngoại ngữ; chú trọng thực hành ngoại ngữ; phát triển, nâng cao chất lượng các Trung tâm ngoại ngữ ngoài công lập, hợp đồng giáo viên

người nước ngoài giảng dạy; thi tuyển sinh vào THPT môn ngoại ngữ; ưu tiên tuyển sinh học sinh có kết quả học ngoại ngữ tốt; triển khai dạy Toán và một số môn khoa học tự nhiên bằng ngoại ngữ. 100% các giáo viên tiếng Anh được tập huấn chương trình tiếng Anh mới, được tham gia nhiều Hội thảo cấp tỉnh, cấp quốc gia, quốc tế dưới nhiều hình thức (trực tiếp/trực tuyến). Kết quả: Có 76,2% học sinh Tiểu học (*trong đó học sinh lớp 3,4,5 đạt 99,7%, riêng học sinh lớp 3 đạt 100%*), 100% học sinh THCS và THPT được học ngoại ngữ.

2.8. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học theo hướng kiên cố hóa, chuẩn hóa và hiện đại hóa; đảm bảo đủ kinh phí cho giáo dục

Tiếp tục tham mưu cho tỉnh, ưu tiên nguồn lực đầu tư và được lồng ghép với các chương trình, dự án, xã hội hóa giáo dục. Cơ sở vật chất trường, lớp học được đầu tư theo hướng chuẩn hóa, kiên cố hóa, hiện đại hóa. Việc đầu tư được gắn với Đề án rà soát, điều chỉnh mạng lưới trường, lớp học và chương trình xây dựng nông thôn mới, nhất là đối với các cơ sở giáo dục ở vùng cao, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, trường PTDT nội trú, bán trú.

Về thực hiện đầu tư xây dựng phòng học, phòng học bộ môn giai đoạn 2022-2025: Tổng danh mục công trình được giao là 251 danh mục công trình, với kinh phí đầu tư 3.115.776 triệu đồng (Trong đó: Vốn CTMT 672.126 triệu đồng, *thực hiện 44 công trình*; Ngân sách tỉnh 2.047.250 triệu đồng; Ngân sách huyện 377.601; Huy động khác 18.799 triệu đồng). Thực hiện đầu tư năm 2022, 2023 là 234/251 công trình, năm 2024, 2025 là 17 công trình. Kết quả: Đang thực hiện đầu tư 251 công trình, chia ra: Các trường THPT 20 công trình (*Đang thi công 10 công trình*); các huyện, thị xã, thành phố 231 công trình (đã khởi công 72 công trình; đang lập báo cáo kinh tế kỹ thuật 59; thực hiện năm 2024,2025 là 17 công trình).

Về mua sắm thiết bị dạy học thực hiện Chương trình GDPT 2018 và phổ cập mầm non 4 tuổi: Đã tham mưu cho UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 305/KH-UBND ngày 12/9/2022 với tổng kinh phí 849,254 tỷ đồng. Thực hiện năm 2022 là 134.133 triệu đồng (Trong đó: Ngân sách tỉnh 117.017 triệu; Sự nghiệp CTMT 1719 là 7.006 triệu; Ngân sách huyện 5.200 triệu đồng; Chương trình Sóng và máy tính cho em 4.910 triệu đồng). Kết quả: Có 7/11 đơn vị huyện, thị xã và Sở GD&ĐT đã tổ chức mua sắm được TBDH.

Tỷ lệ phòng học kiên cố đạt 76,1% (tăng 1,2% so với năm 2020); Tích cực chỉ đạo triển khai xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia, đến nay đã có 398 trường, đạt 66,1% (tăng 8 trường, tăng 2,05% so với năm 2021).

2.9. Đẩy mạnh xã hội hóa, hợp tác và hội nhập quốc tế

Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 20/2017/NĐ-HĐND ngày 08/12/2017, Nghị quyết số 12/2022/NQ-HĐND ngày 31/8/2022 của HĐND tỉnh.

Công tác xã hội hóa tiếp tục được cấp ủy, chính quyền các cấp và nhân dân đồng tình ủng hộ. Phong trào xã hội chăm lo sự nghiệp giáo dục được đẩy mạnh, các cơ quan, ban ngành, đoàn thể, hội, các tổ chức kinh tế, xã hội và nhiều cá nhân tích cực tham gia hỗ trợ các cơ sở giáo dục, vận động trẻ em trong độ tuổi ra lớp. Nhiều tổ chức cá nhân tặng quà, tiền của, công sức xây dựng

trường, lớp. Nhiều tấm gương hiến đất xây dựng, vận động học sinh vùng cao đi học, đầu tư xây dựng phòng học. Tổng số ngày công, hiện vật quy ra tiền mặt ước tính đến hàng tỷ đồng.

Năm học 2022-2023 toàn tỉnh có 14 trường mầm non ngoài công lập, 56 cơ sở nhóm/lớp mầm non tư thục với 244 nhóm/lớp, 4.924 trẻ (tăng 37 nhóm/lớp, 716 trẻ), góp phần quan trọng tăng tỷ lệ trẻ, nhà trẻ ra lớp, giảm bớt khó khăn về tăng quy mô đối với các trường mầm non công lập; thành lập trường TH, THCS&THPT Quốc tế Canada - Lào Cai; 26 Trung tâm Ngoại ngữ ngoài công lập góp phần thúc đẩy phong trào và nâng cao chất lượng dạy - học ngoại ngữ.

Công tác hợp tác và hội nhập quốc tế được đẩy mạnh, nhận thức hội nhập được nâng lên, tích cực hợp tác, giao lưu với các cơ sở nước ngoài, đẩy mạnh dạy và học ngoại ngữ; nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ, trường chuẩn quốc gia, trường PTDT nội trú. Trong năm 2022 đã tiếp nhận 20 tình nguyện viên người nước ngoài đến dạy ngoại ngữ ở một số cơ sở giáo dục tỉnh Lào Cai.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

- Nhận thức của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp và nhân dân về vai trò, tầm quan trọng của thực hiện đổi mới giáo dục và đào tạo được nâng lên rõ rệt. Cấp ủy, chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ sở giáo dục từ tỉnh đến cơ sở tích cực tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia thực hiện đổi mới giáo dục. Công tác tuyên truyền, vận động đã tạo ra sự đồng thuận, ủng hộ của Nhân dân các dân tộc, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh đối với phát triển sự nghiệp GD&ĐT.

- Quy mô giáo dục - đào tạo, mạng lưới trường lớp tiếp tục phát triển phù hợp với phân bố dân cư và địa hình của tỉnh; đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân và nhiệm vụ nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực cho tỉnh. Hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú phát triển mạnh và ngày càng hoàn thiện, trở thành trụ cột giáo dục vùng cao, vùng dân tộc thiểu số.

- Chất lượng giáo dục toàn diện đã có bước tiến bộ vững chắc và rõ rệt; duy trì và nâng cao chất lượng PCGD, giảm tỷ lệ người mù chữ; giáo dục dân tộc có nhiều chuyển biến tích cực; phát hiện, bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh năng khiếu đạt kết quả cao; trường học đạt chuẩn Quốc gia tiếp tục tăng và nâng cao chất lượng, trong đó có nhiều trường đạt chuẩn mức độ 2 góp phần thực hiện các mục tiêu xây dựng nông thôn mới, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

- Cơ sở vật chất trường, lớp học, tiếp tục được chú trọng đầu tư và từng bước được tăng cường theo hướng kiên cố hoá, hiện đại hóa và chuẩn hóa; nhiều trường vùng cao có cơ sở vật chất tốt, cảnh quan đẹp, hoạt động giáo dục sôi nổi, chất lượng.

- Đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục và giáo viên được tăng cường về số lượng, từng bước nâng cao chất lượng, tâm huyết và trách nhiệm; căn bản đáp ứng được yêu cầu đổi mới. Công tác lãnh đạo, quản lý ngành giáo dục có nhiều đổi mới mạnh mẽ, tương đối sâu sắc và tỏ rõ quyết tâm cao trong quá trình thực

hiện. Các cuộc vận động, các phong trào thi đua được lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên, sâu sát của Tỉnh ủy, Bộ GD&ĐT và được ngành GD &ĐT triển khai thực hiện có hiệu quả.

- Công tác xã hội hóa giáo dục và hợp tác, hội nhập quốc tế được đẩy mạnh đã góp phần quan trọng thực hiện đổi mới giáo dục của Lào Cai.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Một số quy định, cơ chế, chính sách của Trung ương chưa được sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung kịp thời để giải quyết các vấn đề lớn mà thực tiễn đang đặt ra. Cụ thể: (1) Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2021-2030 chưa ban hành; (2) cơ chế tài chính cho các trường PTDT nội trú không còn phù hợp (Thông tư ban hành năm 2009); (3) quy định dạy thêm, học thêm; (4) cơ chế xã hội hóa dạy học 2 buổi/ngày; (5) chuyển đổi các trường mầm non công lập ra ngoài công lập ở nơi có khả năng xã hội hóa cao; (6) không có lộ trình thôi hưởng chính sách hỗ trợ tiền ăn cho trẻ mẫu giáo, học sinh đối với các xã khu vực III đạt chuẩn nông thôn mới; (7) biên chế giáo viên không tăng trong khi đó quy mô giáo dục tăng nhanh hằng năm; (8) cơ chế in, phát hành tài liệu giáo dục địa phương (chưa có hướng dẫn TW).

- Dịch Covid-19 đã ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục, đặc biệt đối với học sinh vùng cao, vùng khó khăn do thiếu các phương tiện học tập trực tuyến (máy tính, ti vi, điện thoại thông minh, máy tính bảng...); các hoạt động tư vấn, tuyển sinh và giới thiệu việc làm tại các xã, phường, thị trấn, thôn bản không tổ chức thực hiện được theo kế hoạch; các doanh nghiệp phục hồi sản xuất, kinh doanh chậm, dẫn đến nhu cầu tuyển dụng lao động của doanh nghiệp chưa nhiều, chủ yếu là việc làm ngắn hạn, thời vụ.

- Nhận thức về yêu cầu, bản chất đổi mới giáo dục của một số ít cấp ủy, chính quyền các cấp, một số cán bộ quản lý, giáo viên còn chưa thực sự sâu sắc; còn có cán bộ quản lý, giáo viên chậm đổi mới tư duy, chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục, nhất là đối với những giáo viên tuổi cao, công tác lâu năm ở vùng dân tộc thiểu số ngại thay đổi.

- Chất lượng giáo dục ở vùng đồng bào dân tộc thiểu và miền núi số mặc dù đã được nâng lên nhưng chưa bền vững, còn có học sinh hạn chế về tiếng Việt và kỹ năng làm toán. Chưa huy động được tối đa số học sinh tốt nghiệp THCS đi học nghề. Một số xã vùng cao tại một số thời điểm tỷ lệ học sinh đi học chuyên cần đã được nâng lên nhưng vẫn còn chưa cao, còn có học sinh bỏ học; tảo hôn vẫn chưa có biện pháp để khắc phục triệt để.

- Giáo viên có năng lực chuyên môn giỏi còn ít. Một số giáo viên người dân tộc thiểu số công tác lâu năm tại các thôn, xã đặc biệt khó khăn còn hạn chế về chuyên môn và phương pháp dạy học. Rất khó khăn tuyển dụng đảm bảo chỉ tiêu giáo viên một số môn học, đặc biệt giáo viên ngoại ngữ, tin học; âm nhạc, mỹ thuật đối với khối THPT. Thiếu theo định mức, chỉ tiêu biên chế được giao, phải tăng cường giáo viên từ các trường khác đến giúp.

- Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, nhất là ở vùng cao tuy đã được quan tâm đầu tư, nhưng còn nhiều khó khăn, đặc biệt phòng học bộ môn, thiết bị dạy học tối thiểu thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018. Hạ tầng công nghệ

thông tin khó khăn, kinh phí thực hiện chuyển đổi số hạn hẹp. Một số trường học ở phường trung tâm thành phố có quy mô số lớp, số học sinh, số HS/lớp đông đã ảnh hưởng (Tiểu học Bắc Cường có trên 1.800 HS, 45 lớp, TB 46HS/lớp, định mức là 35 HS/lớp) ảnh hưởng đến việc nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

V. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM ĐẾN HẾT NHIỆM KỲ

1. Tiếp tục tham mưu, tổ chức triển khai, thực hiện có hiệu quả Đề án số 6 của Tỉnh ủy Lào Cai; Chương trình hành động số 153-CT/TU ngày 06/01/2014 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị lần thứ tám Ban chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XI) về "Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo..." và Kết luận số 51-KL/TW...

2. Tham mưu chỉ đạo củng cố kết quả phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở; thực hiện phổ cập mầm non 4 tuổi thực hiện Chỉ thị số 31-CT/TU ngày 18/10/2022 của Tỉnh ủy và Kế hoạch số 138/KH-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh; tăng cường phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và xóa mù chữ cho người lớn; tham mưu kế hoạch duy trì, nâng cao chất lượng và kế hoạch xóa mù chữ cho người lớn giai đoạn 2023-2025. Đẩy mạnh phân luồng và định hướng nghề nghiệp cho học sinh phổ thông. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục, hội nhập và hợp tác quốc tế.

3. Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong quản lý, chỉ đạo, điều hành và trong dạy và học; triển khai mạnh mẽ thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục. Triển khai thực hiện Kế hoạch số 354/KH-UBND ngày 24/10/2022 của UBND tỉnh Lào Cai chuyển đổi số trong ngành giáo dục và đào tạo tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030.

4. Thực hiện Kế hoạch số 336/KH-UBND ngày 06/10/2022 của UBND tỉnh Lào Cai về tiếp tục rà soát mạng lưới trường, lớp đối với giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2022 - 2030, trong đó, tập trung tiếp tục rà soát, sắp xếp lại hệ thống trường, lớp chi tiết, cụ thể đến từng lớp, từng thôn, bản; đây là một nhiệm vụ trọng tâm để thực hiện giảm số lượng trường, xóa, gộp điểm trường, giảm lớp, giảm học sinh ở điểm trường, tăng số học sinh ở trường chính, tăng số HS/lớp để tập trung đầu tư; gắn sắp xếp trường, lớp với thực hiện tinh, giản biên chế, đáp ứng tốt nhu cầu học tập của nhân dân, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

5. Tiếp tục tham mưu cho UBND tỉnh tập trung nguồn lực tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; đẩy nhanh tiến độ xây dựng phòng học; phát triển hạ tầng công nghệ thông tin; các điều kiện đảm bảo nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ. Triển khai thực hiện kế hoạch số 305/KH-UBND ngày 12/9/2022 của UBND tỉnh Lào Cai về việc đầu tư mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu mầm non, phổ thông thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và thí điểm phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 4 tuổi và trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2022-2027.

6. Phát triển, nâng cao chất lượng đội ngũ, rà soát, phân loại, đánh giá, sắp xếp, tập trung đào tạo bồi dưỡng để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo.

7. Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, chất lượng đào tạo nguồn nhân lực. Xây dựng trường học đạt chuẩn Quốc gia; triển khai chương trình giáo dục STEM (Tích hợp khoa học kỹ thuật, công nghệ và toán) để tiếp cận "giáo dục thông minh" ở những cơ sở giáo dục có điều kiện; nâng cao chất lượng hệ thống trường Phổ thông dân tộc nội trú, dân tộc bán trú, trường THPT Chuyên, trường quốc tế, trình phê duyệt Đề án trường chất lượng cao, để các trường này trở thành hệ thống trường nòng cốt, tạo bước đột phá về chất lượng giáo dục, chất lượng nguồn nhân lực.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đề nghị Chính phủ, Bộ ngành Trung ương

(1) Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mới; thực hiện Chương trình giáo dục quốc tế tại Lào Cai:

- Ban hành quy định về cơ chế khuyến khích, hỗ trợ giáo viên tự làm đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học trong các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông.

- Có cơ chế đặc thù hỗ trợ ngân sách các tỉnh miền núi, vùng cao để mua sắm thiết bị dạy học theo Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT ban hành danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Tiểu học; Thông tư số 38/2021/TT-BGDĐT ban hành danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Trung học cơ sở; Thông tư số 39/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Trung học phổ thông.

- Có cơ chế đặc thù đối với các tỉnh vùng Tây Bắc, tuyển sinh không quy định số lượng 50% học sinh là người nước ngoài đối với trường quốc tế Canada tại Lào Cai.

(2) Tiếp tục kiến nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo quan tâm, hỗ trợ, tạo điều kiện để tỉnh Lào Cai triển khai thí điểm phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 4 tuổi giai đoạn 2022-2025.

2. Kiến nghị với Tỉnh

(1) Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh tiếp tục có chính sách hỗ trợ bữa ăn trưa, sữa học đường cho trẻ mầm non, tiền ăn cho học sinh bán trú ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (ngoài các đối tượng đã được Chính phủ hỗ trợ); hỗ trợ giáo viên dạy ngoại ngữ.

(2) Tiếp tục ưu tiên các nguồn lực đầu tư cho giáo dục, đặt biệt, kinh phí đảm bảo cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; bồi dưỡng giáo viên để triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới; kinh phí đầu tư xây dựng phòng học, phòng học bộ môn giai đoạn 2022-2025.

Trên đây là Báo cáo sơ kết giữa kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020-2025, của Sở Giáo dục và Đào tạo./.

Nơi nhận:

- Sở KH&ĐT;
- Lãnh đạo Sở GD&ĐT;
- Các phòng Sở GD&ĐT;
- Lưu: VT, KHTH.

GIÁM ĐỐC

Dương Bích Nguyệt

